

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;

- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.

- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;

- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;

- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);

- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;

- Tiến độ cung cấp hàng hóa;

- Yếu tố thân thiện môi trường;

- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);

- Các yếu tố cần thiết khác.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết được đánh giá là đạt.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật của gói thầu như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung yêu cầu</b>	<b>Đạt</b>	<b>Không đạt</b>
<b>I</b>	<b>Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn</b>		

	<b>chế tạo và công nghệ</b>		
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	- Có lập bảng kê về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, đáp ứng 100% các yêu cầu kỹ thuật chi tiết tại Chương V- Mục 1.2: Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT;	- Không đáp ứng dù chỉ một đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu kỹ thuật chi tiết tại Chương V- Mục 1.2: Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT;
2	Tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá	- Có cam kết hàng hoá mới 100% được Sản xuất từ năm 2025. - Cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ), giấy chứng xuất xưởng hoặc giấy hiệu chuẩn, hồ sơ xuất nhập khẩu hàng hoá (hoá đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn, tờ khai hải quan....) các tài liệu kèm theo đúng quy định khi giao hàng.	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên
<b>II</b>	<b>Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa</b>		
1	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa	- Có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế: Thuyết minh, sơ đồ tổ chức, bố trí nhân sự phục vụ lắp đặt. - <b>Có cam kết hiệu chỉnh phần mềm đúng theo yêu cầu đơn vị sử dụng của chủ đầu tư.</b>	- Không có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa không phù hợp không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. - Không <b>Có cam kết hiệu chỉnh phần mềm đúng theo yêu cầu đơn vị sử dụng của chủ đầu tư.</b>

2	Giải pháp sử dụng hiệu quả hàng hóa	- Nhà thầu trình bày một số nguyên nhân thường gây lỗi hư hỏng cho thiết bị và giải pháp khắc phục tình trạng hư hỏng trên.	- Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên
<b>III</b>	<b>Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì</b>		
1	Kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì	Có kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì. Thời gian bảo hành Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất nhưng tối thiểu 12 tháng (theo bảng chi tiết kỹ thuật yêu cầu của từng loại hàng hóa) kể từ ngày nghiệm thu bàn giao.	Không có kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì. Thời gian bảo hành thấp hơn tiêu chuẩn nhà sản xuất hoặc thấp hơn 12 tháng (theo bảng chi tiết kỹ thuật yêu cầu của từng loại hàng hóa) kể từ ngày nghiệm thu bàn giao.
2	Năng lực cung cấp dịch vụ sau bán hàng	Có thuyết minh chế độ bảo hành và trách nhiệm trong quá trình bảo hành theo yêu cầu của E-HSMT	Không có thuyết minh bảo hành hoặc có nhưng không khả thi, không trình bày trách nhiệm trong quá trình bảo hành theo yêu cầu của E-HSMT
3	Quy trình về việc bảo hành và khắc phục sự cố	- Nhà thầu đưa ra quy trình đầy đủ về việc bảo hành và khắc phục sự cố trong vòng $\leq 24$ giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của người sử dụng. - Thời gian thực hiện bảo hành có sự cố, hỏng hóc $\leq 2$ ngày. - Trong thời gian $> 2$ ngày mà không khắc phục sự cố, hỏng hóc thì nhà thầu	- Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên

		<p>thay thế sản phẩm mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì: Nêu rõ địa chỉ, số điện thoại và phương án triển khai bảo hành, bảo trì.</li> <li>- Trường hợp nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì: Nêu rõ địa chỉ, số điện thoại và phương án triển khai bảo hành, bảo trì; Tài liệu xác định đơn vị đã ký hợp đồng nguyên tắc hoạt động kinh doanh phù hợp nội dung gói thầu.</li> <li>- Bảo trì <math>\geq 02</math> lần/năm trong thời gian bảo hành.</li> </ul>	
IV	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa	- Nhà thầu có cam kết đáp ứng cung cấp phụ tùng thay thế, dịch vụ sau bán hàng: 05 năm kể từ ngày bàn giao đưa hàng hóa vào sử dụng.	- Nhà thầu không có cam kết đáp ứng cung cấp phụ tùng thay thế, dịch vụ sau bán hàng: 05 năm kể từ ngày bàn giao đưa hàng hóa vào sử dụng
V	Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường.	Có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý, môi trường: Nhiệt đới gió mùa tại Việt Nam	Có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý, môi trường: Nhiệt đới gió mùa tại Việt Nam
VI	Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết	Cam kết hàng hoá được cung cấp không ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và phải đề xuất được biện pháp giải quyết	Hàng hoá được cung cấp ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường hoặc không đề xuất được biện pháp giải quyết
VII	Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng,	- Có thuyết minh chi tiết điều kiện thương mại, đào tạo, chuyên gia công nghệ	- Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh điều kiện thương mại, đào tạo, chuyên

	đào tạo chuyên giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng	hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp. - Hướng dẫn sử dụng sau ngày bàn giao hàng hoá đưa vào sử dụng tối đa 02 ngày.	giao công nghệ nhưng không hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp. - Hướng dẫn sử dụng sau ngày bàn giao hàng hoá đưa vào sử dụng tối đa 02 ngày.
VIII	Tiến độ cung cấp hàng hóa	Có bảng tiến độ cung cấp hàng hoá hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Không có bảng tiến độ cung cấp hàng hoá hoặc có Bảng cung cấp hàng hoá nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.
IX	Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có)	Sử dụng cơ sở dữ liệu tại địa chỉ <a href="https://muasamcong.mpi.gov.vn/">https://muasamcong.mpi.gov.vn/</a> về kết quả thực hiện hợp đồng và chất lượng hàng hóa đã được sử dụng quy định được sử dụng để làm căn cứ xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: 1. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu của nhà thầu gồm: a) Vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng: <02 hợp đồng; b) Vi phạm chất lượng hàng hóa, dịch vụ, công trình, bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có) và các yếu tố khác có liên quan: <02 hợp đồng; c) Vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và lý do: <02 hợp đồng; 2. Thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng theo hợp đồng từ	Không đáp ứng 01 yêu cầu trên

		<p>01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu của nhà thầu gồm:</p> <p>a) Vi phạm chất lượng của hàng hóa trên thực tế so với quy định trong hợp đồng: &lt;02 hợp đồng;</p> <p>b) Mức độ nghiêm trọng của các lỗi phát sinh và việc khắc phục các lỗi phát sinh hoặc thay thế hàng mới (nếu có): &lt;02 hợp đồng;</p> <p>c) Tần suất hư hỏng, gặp sự cố của hàng hóa và chất lượng dịch vụ bảo hành, sửa chữa, khắc phục (nếu có): &lt;02 hợp đồng;</p> <p>d) Vi phạm độ tin cậy, độ bền, hiệu suất, công suất (nếu cần thiết): &lt;02 hợp đồng;</p> <p>đ) Các thông tin khác (nếu cần thiết): không có.</p>	
	<b>Kết luận</b>	<b>Tất cả các tiêu chuẩn trên được xác định là đạt</b>	<b>Chỉ có 01 tiêu chuẩn trên được xác định là không đạt</b>

(Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo)